

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 7

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLX) - NGÀNH LUẬT KINH TẾ (7380107)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1810 /QĐ-HĐTSDHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCQ 2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTUT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	15002871	VŨ THỊ THÚY NGÀ	132451414	08/04/2000	Nữ		0.25	A00	19.3	19.55	NV1
2	17005645	TRẦN TUẤN KHANG	022200005033	01/03/2000	Nam		0.25	D01	19.25	19.5	NV1
3	01062615	PHẠM NGÔ THANH HẰNG	001300028978	04/11/2000	Nữ		0.25	A00	18.45	18.7	NV1
4	10003445	MA THỊ HẬU	082322215	21/02/2000	Nữ	2	0.75	D01	17.4	18.15	NV1
5	28031985	PHẠM THỊ CHUNG	038300010098	11/06/2000	Nữ		0.5	D01	17.55	18.05	NV1
6	25001938	NGUYỄN LINH CHI	036300005135	28/07/2000	Nữ		0.25	D01	17.25	17.5	NV1
7	27004879	PHẠM NGỌC CHÂM	164680258	30/08/2000	Nữ		0.5	D01	16.95	17.45	NV1
8	01048292	BÙI NGỌC HẰ	001300025133	11/06/2000	Nữ		0.25	D01	16.6	16.85	NV1
9	14002640	NGUYỄN CHÍ HIẾU	051125049	11/10/2000	Nam		0.75	D01	16.05	16.8	NV1
10	27001817	NGUYỄN HOÀNG ANH	164675597	09/09/2000	Nam		0.5	D01	15.85	16.35	NV1
11	01051887	NGUYỄN PHÚ QUÝ	017538095	03/10/2000	Nam		0.25	A00	16	16.25	NV1
12	17011785	NGUYỄN THỊ MINH NHẬT	022300003226	31/10/2000	Nữ		0.25	D01	16	16.25	NV1
13	31004147	PHAN KHÁNH LINH	044300000443	28/01/2000	Nữ		0.25	D01	15.9	16.15	NV1
14	01040890	ĐẶNG MINH ANH	001300014180	06/01/2000	Nữ		0.25	D01	15.9	16.15	NV1
15	26002238	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	034300000439	06/03/2000	Nữ		0.25	D01	15.75	16	NV1
16	15005043	PHAN LẠC LONG	132414791	02/04/2000	Nam		0.75	D01	15.2	15.95	NV1
17	01012691	TRƯƠNG MINH CHÂU	014300000024	04/06/2000	Nữ		0	D01	15.95	15.95	NV1
18	28022526	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	038300001486	06/06/2000	Nữ		0.5	D01	15.4	15.9	NV1
19	28001997	LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG	038300007795	29/05/2000	Nữ		0.25	D01	15.65	15.9	NV1

STT	SBD	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
20	01032006	VŨ TRỌNG HÀ	001200006765	26/11/2000	Nam		0.25	A00	15.45	15.7	NV1
21	15009474	NGUYỄN THÚY LINH	132423368	27/03/2000	Nữ		0.75	D01	14.9	15.65	NV1
22	24002089	ĐÀO QUỲNH TRANG	035300001426	30/11/2000	Nữ		0.5	D01	14.6	15.1	NV1
23	21012510	VŨ THANH HOA	142868203	18/12/2000	Nữ		0.5	D01	14.55	15.05	NV1

Danh sách này có 23 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 8

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLX) - NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (7760101)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1310 /QĐ-HDTSĐHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ 2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTVT	Điểm KVT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	09007611	CHÂU XUÂN NGHỊ	071062762	31/12/1999	Nam	2	0.75	C00	19.75	20	NV1
2	07003243	BẾ HÀ THU	045230652	25/09/2000	Nữ	2	0.75	C00	19	19.25	NV1
3	01041255	HÀ DIỆU HƯƠNG	095278622	13/07/2000	Nữ	2	0.75	C00	19	19.25	NV1
4	01035170	NGUYỄN THỊ LIÊN	001300027439	27/12/2000	Nữ		0.25	D01	18.95	19.2	NV1
5	17011005	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	022300002561	30/05/2000	Nữ		0.5	C00	18.25	18.25	NV1
6	09002064	ĐẶNG THU UYÊN	071074992	25/11/2000	Nữ		0.75	C00	17.5	17.75	NV1
7	01068541	TRẦN HẢO HIỆP	001200003125	02/09/2000	Nam		0.25	C00	17.75	17.5	NV1
8	28001833	PHẠM HOÀNG HẢI	038200000163	17/02/2000	Nam		0.25	C00	17.75	17.5	NV1
9	01066373	LÊ THỊ DIỆU LINH	001300032921	19/08/2000	Nữ		0.25	C00	17	16.75	NV1
10	21017321	HOÀNG TRỌNG BẮC	030200006185	13/10/2000	Nam		0.5	C00	16.5	16.5	NV1
11	15010583	NGUYỄN HOÀNG NHI	132451390	22/09/2000	Nữ		0.75	C00	15.75	16	NV1

Danh sách này có 11 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 9

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1810/QĐ-HĐTSDHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCQ 2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTVT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
I. KẾ TOÁN											
1	18015523	THÂN THỊ HUỆ	122327731	03/11/2000	Nữ		0.75	D01	14	14.75	NV1
II. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC											
1	01035057	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	001300024124	20/06/2000	Nữ		0.25	D01	15.1	15.35	NV1

Danh sách này có 2 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 10

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018

ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH KINH TẾ (7310101)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 810/QĐ-HĐTSDHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTUT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	029	38001079	CAO THIÊN TRÚC	231370424	02/01/2000	Nữ	0	0.75	D01	18.2	18.95	NV1
2	030	02068835	HỒ NGUYỄN HẢI ĐĂNG	079093002426	21/09/1993	Nam	2	0	A00	15.85	17.85	NV1
3	031	38000966	NGUYỄN CAO PHÚ SANG	231370425	08/11/2000	Nữ	0	0.75	D01	17.05	17.8	NV1
4	032	43000493	NGÔ THÙY TIÊN	285754260	17/09/2000	Nữ	0	0.75	D01	15.4	16.15	NV1
5	033	40015257	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	241819096	09/05/2000	Nữ	0	0.75	D01	15.2	15.95	NV1
6	034	02050402	TÔNG KHÁNH LINH	025983311	18/01/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.55	15.8	NV1
7	035	02062845	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	025957376	02/08/2000	Nữ	0	0	D01	15.6	15.6	NV1
8	036	02066011	CHAN NHẬT VIÊN	079300001733	15/02/2000	Nữ	1	0	A00	14.6	15.6	NV1
9	037	02031162	NGUYỄN HƯƠNG THẢO NGUYỄN	026044493	24/03/2000	Nữ	0	0	D01	15.4	15.4	NV1
10	038	31002829	PHAN THỊ THÚY NGÂN	044300001179	30/11/2000	Nữ	0	0.5	D01	14.9	15.4	NV1
11	039	02030101	HOÀNG DIỄM QUỲNH	272785452	13/08/2000	Nữ	0	0	D01	15.35	15.35	NV1
12	040	02048742	NGUYỄN THIÊN TÂM	026027511	07/02/2000	Nữ	0	0	D01	15.15	15.15	NV1
13	041	02057047	NGUYỄN THỊ NGỌC CÚC	079300010467	14/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.9	15.15	NV1
14	042	25012297	NGÔ VĂN CHÍ	036200012746	19/11/2000	Nam	0	0.5	D01	14.65	15.15	NV1
15	043	02051538	PHẠM HỒNG HẬU	079200001589	19/08/2000	Nam	0	0.25	D01	14.85	15.1	NV1
16	044	02055928	CHÂU THỊ THANH MINH	025994927	19/09/2000	Nữ	0	0.25	A00	14.65	14.9	NV1
17	045	43004404	ĐỖ THỊ THÚY TRINH	285692534	27/08/2000	Nữ	0	0.75	D01	14.15	14.9	NV1
18	046	42005574	NGUYỄN THOẠI MY	251257696	07/06/2000	Nữ	0	0.75	D01	14	14.75	NV1
19	047	47003390	VĂN THỊ THẢO CHI	261497432	10/06/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.45	14.7	NV1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

(Chữ ký)

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
20	048	02029398	NGUYỄN THỤY TRÚC QUỲNH	026001229	26/09/2000	Nữ	0	0	A01	14.7	14.7	NV1
21	049	47005224	NGUYỄN THỊ TỔ NGUYÊN	261516604	03/09/2000	Nữ	0	0.5	D01	14.2	14.7	NV1
22	050	40008316	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	241760457	15/03/2000	Nữ	0	0.75	A00	13.8	14.55	NV1
23	051	02030952	TÔNG THỊ UYẾN NHI	168602712	09/10/2000	Nữ	0	0	D01	14.55	14.55	NV1
24	052	02058666	NGUYỄN TRẦN TƯỜNG VI	026083180	29/05/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.25	14.5	NV1
25	053	52010849	HÀ THỊ PHUƠNG	077300002097	06/03/2000	Nữ	0	0.75	A00	13.75	14.5	NV1

Danh sách này có 25 thí sinh./.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 11

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH TÂM LÝ HỌC (7310401)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-HĐTSDHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy bảo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	123	54000204	LÊ VĨ KHƯƠNG	371904489	03/02/2000	Nam	0	0.75	C00	19.75	20	NV1
2	124	42014877	TRẦN THỊ HÀ MỸ DUYÊN	251203553	03/10/1999	Nữ	0	0.75	C00	19.25	19.5	NV1
3	125	36002028	A VAI	233216795	31/10/1996	Nam	2	0.75	D01	16.75	19.5	NV1
4	126	37007915	VĂN THỊ THÚY THUẬN	215507132	21/01/2000	Nữ	0	0.5	C00	18.5	18.5	NV1
5	127	45001806	HUỲNH THỊ TRIỀU TIÊN	264545795	30/03/2000	Nữ	0	0.75	C00	18	18.25	NV1
6	128	02056631	NGUYỄN HUỲNH ANH THƯ	025996412	17/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.1	17.35	NV1
7	129	56001375	NGUYỄN HOÀNG TÚ ANH	321608016	30/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.1	17.35	NV1

Danh sách này có 7 thí sinh./.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 12

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (ĐLS) - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (7340101)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-HĐTSDHCQ2018 ngày 28/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTUT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	067	47009385	HOÀNG DUY LONG	261560492	25/09/2000	Nam	0	0.75	A01	19.7	20.45	NV1
2	068	42004983	MAI HOÀI BẢO TRÂN	251165011	15/07/2000	Nữ	0	0.75	D01	19.4	20.15	NV1
3	069	60001100	THÁI NGỌC NHI	385782592	15/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	19.85	20.1	NV1
4	070	43001334	TRỊNH XUÂN HUY	285759335	29/09/2000	Nam	0	0.75	A01	19.25	20	NV1
5	071	36001733	NGUYỄN CÔNG ANH	187251888	23/12/1995	Nam	2	0.75	A01	17.2	19.95	NV1
6	072	48007323	TRƯƠNG NGỌC DIỄM	272835462	31/10/2000	Nữ	0	0.25	A01	19.55	19.8	NV1
7	073	02029123	NGUYỄN KIM HUY	026044966	14/03/2000	Nam	0	0	D01	19.6	19.6	NV1
8	074	40008505	PHAN THỊ BÍCH TRÂM	241870047	18/09/2000	Nữ	0	0.75	D01	18.7	19.45	NV1
9	075	42011027	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	251254342	01/04/2000	Nữ	0	0.75	D01	18.6	19.35	NV1
10	076	02037720	BÙI CÔNG CHỨC	025974581	10/11/2000	Nam	0	0	A01	19.3	19.3	NV1
11	077	37010855	ĐỖ THỊ TUYẾT LINH	215523005	02/04/2000	Nữ	0	0.5	D01	18.8	19.3	NV1
12	078	43003766	NGÔ THỊ YẾN NHI	285734701	17/10/2000	Nữ	0	0.75	A00	18.45	19.2	NV1
13	079	50004518	VÕ TƯỜNG GIA HÂN	342022858	18/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	18.8	19.05	NV1
14	080	02048667	VĂN THỊ XUÂN OANH	079300005462	27/08/2000	Nữ	0	0	D01	18.9	18.9	NV1
15	081	40003488	LƯU THỊ THUỶ TIỀN	241765471	16/02/2000	Nữ	0	0.75	A00	18.1	18.85	NV1
16	082	34009277	TRƯƠNG NGỌC QUỲNH DUYÊN	206337689	02/03/2000	Nữ	0	0.75	D01	17.95	18.7	NV1
17	083	01062977	NGUYỄN THỊ THÚY	001300015420	22/08/2000	Nữ	0	0.25	A00	18.4	18.65	NV1
18	084	54005410	VŨ THỊ THANH TRANG	371973852	23/09/2000	Nữ	0	0.5	A00	17.95	18.45	NV1
19	085	54007310	NGUYỄN THỊ MẪN	371946820	22/01/2000	Nữ	0	0.25	A00	18.2	18.45	NV1



Handwritten signature

STT	Số Giấy bảo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
20	086	02038969	HOÀNG THẢO UYÊN	026019923	16/10/2000	Nữ	0	0	D01	18.4	18.4	NV1
21	087	40008237	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	241870858	29/06/2000	Nữ	0	0.75	A00	17.65	18.4	NV1
22	088	37005284	LÊ HOÀI TRUNG	215443938	28/02/2000	Nam	0	0.75	A00	17.5	18.25	NV1
23	089	02056325	NGUYỄN HỒNG NGUYỄN	026082933	11/05/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.95	18.2	NV1
24	090	53006109	PHAN THỊ KIM NGÂN	312418241	13/06/2000	Nữ	0	0.5	A01	17.65	18.15	NV1
25	091	47001544	NGUYỄN KHẢI UYÊN	261515757	13/10/2000	Nữ	0	0.5	D01	17.6	18.1	NV1
26	092	40011244	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	241853882	14/05/2000	Nữ	0	0.75	A00	17.25	18	NV1
27	093	48000777	NGUYỄN THỊ TRẢ GIANG	197405229	25/01/2000	Nữ	0	0.25	A00	17.5	17.75	NV1
28	094	40010981	LÊ THỊ THANH NGÂN	241771666	01/01/2000	Nữ	0	0.75	A00	16.95	17.7	NV1
29	095	54003967	DANH HUỲNH PHƯƠNG THÚY	371914555	13/10/2000	Nữ	2	0.75	D01	14.9	17.65	NV1
30	096	02058332	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	026044123	18/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.1	17.35	NV1
31	097	40003303	TRẦN THỊ NHÂN	241857119	18/05/2000	Nữ	0	0.75	A00	16.35	17.1	NV1
32	098	02022680	ĐÀM XUÂN KỶ	285707181	18/06/2000	Nam	0	0	A00	16.25	16.25	NV1
33	099	41001208	LÊ PHÚ BÍCH LỘC	225824846	17/02/2000	Nữ	0	0.25	A00	15.95	16.2	NV1
34	100	40004798	TRẦN THỊ HÒA	241812679	08/04/2000	Nữ	0	0.75	D01	15.45	16.2	NV1
35	101	52001285	LÊ PHƯƠNG ANH	063520105	03/12/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.75	16	NV1

Danh sách này có 35 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 13

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018

ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH BẢO HIỂM (7340204)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-HĐTSĐHCQ2018 ngày 28/8/2018 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy bảo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	001	02076968	TRẦN PHƯƠNG KHANH	025915277	22/10/1999	Nam	0	0.25	A00	15.1	15.35	NV2
2	002	02030021	HUỲNH THỊ YÊN NHI	312439071	22/08/2000	Nữ	0	0	D01	15.15	15.15	NV1
3	003	02056356	NGUYỄN HỮU CẨM NHUNG	026034409	19/02/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.8	15.05	NV1
4	004	42006465	ĐINH THỊ THẨM	251242231	29/08/2000	Nữ	0	0.75	D01	14	14.75	NV2
5	005	02058685	LÊ THANH VY	026064580	19/06/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.4	14.65	NV1

Danh sách này có 5 thí sinh./.



TS. Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 14

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018

ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH KẾ TOÁN (7340301)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-HĐTSĐHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	008	39005300	ĐOÀN ÁI NGỌC	221500609	02/03/2000	Nữ	0	0.5	A01	19.35	19.85	NV1
2	009	47004284	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	261560297	8/15/2000	Nữ	0	0.75	A00	18.5	19.25	NV1
3	010	35007277	HỒ THỊ MINH NHẬT	212463619	10/07/2000	Nữ	0	0.75	A00	18.45	19.2	NV1
4	011	40003556	HÀ THỊ TUYẾN	241766243	23/07/2000	Nữ	0	0.75	A00	18.1	18.85	NV1
5	012	40017069	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	192073351	11/05/2000	Nữ	0	0.75	A00	17.95	18.7	NV1
6	013	02028962	HOÀNG ĐẶNG QUỲNH CHI	079300002702	27/01/2000	Nữ	0	0	A00	18.25	18.25	NV1
7	014	40014864	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	241746042	07/05/2000	Nữ	0	0.75	A01	17.25	18	NV1
8	015	58004096	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	381986294	08/02/2000	Nữ	0	0.5	A00	17.45	17.95	NV1
9	016	47009104	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	261620228	15/11/1999	Nữ	0	0.75	D01	17	17.75	NV1
10	017	24003809	TRẦN THỊ HIỀN PHƯƠNG	035300003419	14/01/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.85	17.35	NV1
11	018	35003304	CAO THỊ THU TRANG	212882005	12/10/2000	Nữ	0	0.25	A00	17	17.25	NV1
12	019	02034804	LÝ ĐĂNG KHOA	352621814	09/10/2000	Nam	0	0	D01	17.15	17.15	NV1
13	020	42011832	PHẠM THỊ VÂN	251167841	05/03/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.25	17	NV1
14	021	40016837	GIÁP THỊ HUYỀN TRANG	241805597	02/08/2000	Nữ	0	0.75	A00	16.05	16.8	NV1
15	022	31005614	BÙI THỊ THÙY LINH	44300001894	06/06/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.25	16.75	NV1
16	023	39005255	NGUYỄN THỊ KIM LIÊU	221492037	22/11/2000	Nữ	0	0.5	A00	15.6	16.1	NV1
17	024	02054412	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC DUNG	026104764	14/05/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.8	16.05	NV1
18	025	02030887	VÕ THỊ HUỲNH NGÀ	026070967	24/08/2000	Nữ	0	0	D01	15.95	15.95	NV1
19	026	43000261	NGUYỄN THÙY LINH	035300001979	07/05/2000	Nữ	0	0.75	D01	15.15	15.9	NV1



(Handwritten signature)

STT	Số Giấy bảo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
20	027	35008100	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	212813782	04/02/2000	Nữ	0	0.5	A00	15.35	15.85	NV1
21	028	02058009	PHẠM THỊ THÚY TRANG	079300007647	14/05/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.55	15.8	NV1

Danh sách này có 21 thí sinh./.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 15

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (7340404)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-HĐTSĐHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
1	102	60002883	HỒ VĂN HIẾU	385786051	14/07/2000	Nam	0	0.75	D01	19.15	19.9	NV1
2	103	35004656	ĐÀO THỊ BÍCH NGỌC	212881336	16/10/2000	Nữ	0	0.25	A01	19.65	19.9	NV1
3	104	46005447	TỬ ITALY	072300004058	23/10/2000	Nữ	0	0.5	D01	19.35	19.85	NV1
4	105	30008393	VÕ THỊ MỸ TIỀN	184397989	16/06/2000	Nữ	0	0.5	D01	18.65	19.15	NV1
5	106	30012651	NGUYỄN THỊ TRANG	184362698	19/05/2000	Nữ	0	0.5	D01	18.65	19.15	NV1
6	107	38000548	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG UYÊN	231269337	18/04/2000	Nữ	0	0.75	A01	18.2	18.95	NV1
7	108	42004744	NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI	251257746	26/10/2000	Nữ	0	0.75	D01	18.1	18.85	NV1
8	109	50003374	TRẦN HUỖNH KIM THỊ	341966735	02/03/2000	Nữ	0	0.5	D01	18	18.5	NV1
9	110	42008929	ĐỖ THỊ YẾN NHI	251223969	08/12/2000	Nữ	0	0.75	D01	17.75	18.5	NV1
10	111	28020573	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	038300004991	13/06/2000	Nữ	0	0.5	D01	17.85	18.35	NV1
11	112	44003568	HỒ NGỌC THẢO	281213085	31/03/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.85	18.1	NV1
12	113	02056006	LÊ THỊ NHÂN	068300000131	09/08/2000	Nữ	0	0.25	A00	17.8	18.05	NV1
13	114	56003109	DƯƠNG THỊ NGỌC THẢO	321733820	31/03/2000	Nữ	0	0.5	D01	17.2	17.7	NV1
14	115	02057715	TRẦN THỊ CẨM HÀ	026104324	03/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.2	17.45	NV1
15	116	35001385	PHẠM THỊ CẨM VÂN	212838655	16/11/2000	Nữ	0	0.5	A00	16.8	17.3	NV1
16	117	35003716	NGUYỄN THỊ HÀ VY	212881722	30/03/2000	Nữ	0	0.25	D01	17	17.25	NV1
17	118	52010636	LÊ THỊ TRÚC LINH	077300003348	02/01/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.5	17.25	NV1
18	119	34009514	NGÔ THỊ THU SANG	206440274	29/02/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.4	16.9	NV1
19	120	54001579	ĐỖ THỊ THU THẢO	371941253	10/11/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.1	16.85	NV1



[Handwritten signature]

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
20	121	02056477	NGUYỄN THÀNH TÂM	079200009820	29/10/2000	Nam	0	0.25	D01	16.1	16.35	NV1
21	122	43004384	NGUYỄN THANH TRẢ	285734664	14/05/2000	Nữ	0	0.75	A01	15.5	16.25	NV1

Danh sách này có 21 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018

ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (7760101)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-HĐTSDHCQ2018 ngày 27/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU ^T	Điểm KVU ^T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	006	02066910	LÊ ĐẶNG THÙY PHƯƠNG	301801928	04/04/2000	Nữ	0	0	D01	15.8	15.8	NV1
2	007	02037014	NGUYỄN CHÍ DŨNG	038200015884	20/07/2000	Nam	0	0	C00	16.25	15.75	NV1

Danh sách này có 02 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2018

Phụ lục 16

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018

ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH LUẬT KINH TẾ (7380107)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-HĐTSĐHCQ2018 ngày 27/18/2018 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số Giấy báo TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTUT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
1	054	53007853	TRÁC ĐOÀN KHÁNH LINH	312424094	02/08/2000	Nữ	0	0.25	A00	20.2	20.45	NV1
2	055	37013626	ĐÀO NGỌC TƯỜNG VI	215510291	21/11/2000	Nữ	0	0.75	D01	18.95	19.7	NV1
3	056	02067679	NGUYỄN THỊ DẠ THẢO	026041273	08/08/2000	Nữ	0	0	D01	19.65	19.65	NV1
4	057	02056559	NGUYỄN PHẠM ANH THI	042300000037	10/09/2000	Nữ	0	0.25	A01	17.8	18.05	NV1
5	058	37012564	NGUYỄN THỊ HẰNG	215510586	06/12/2000	Nữ	0	0.5	D01	17.4	17.9	NV1
6	059	37001317	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÀI	215506403	02/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.35	17.6	NV1
7	060	51001688	LÊ THỊ NHIỀU	342034552	23/09/1999	Nữ	0	0.25	D01	17.1	17.35	NV1
8	061	02029221	TRẦN ĐỨC LONG	025995693	10/09/2000	Nam	0	0	A00	17.3	17.3	NV1
9	062	38007420	DỤNG THỊ NGUYỆT	231250990	27/07/2000	Nữ	0	0.75	A00	16.45	17.2	NV1
10	063	02057263	TRẦN QUỐC HUY	026035232	25/09/2000	Nam	0	0.25	D01	16.6	16.85	NV1
11	064	48027536	CHÂU MINH TRƯỜNG	272882933	17/01/2000	Nam	0	0.75	D01	16.1	16.85	NV1
12	065	63004468	NGUYỄN THÊ QUỶ	245400885	10/01/2000	Nam	0	0.75	A00	15.9	16.65	NV1
13	066	30009769	TRẦN THỊ NGỌC HẰNG	184415042	21/05/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.8	16.05	NV1

Danh sách này có 13 thí sinh./.

